

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026
(Hình thức đào tạo: chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở đào tạo:** Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang.
2. **Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DTG
3. **Địa chỉ trụ sở:** tổ 16, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang
4. **Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://hagiang.tnu.edu.vn/>
5. **Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin tuyển sinh; quy chế thi tuyển sinh:** <https://hagiang.tnu.edu.vn/>.
6. **Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:** <https://hagiang.tnu.edu.vn/luu-tru/category/ba-cong-khai>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Đối tượng dự tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định) hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương THPT của Việt Nam.

- Điều kiện dự tuyển: đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ GDĐT (theo thông tư 06/2026/TT-BGDĐT) và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Đại học Thái Nguyên/Phân hiệu quy định cho từng ngành/phương thức xét tuyển năm 2026;

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

+ Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

- **Phương thức 1:** Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT (Mã PT 100).

- **Phương thức 2:** Sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (Mã PT 200).

- **Phương thức 3:** Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) và các đơn vị khác (Mã PT 417).

2

- **Phương thức 4:** Sử dụng kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển (Mã PT 402).

- **Phương thức 5:** Sử dụng kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Mã PT 405).

- **Phương thức 6:** Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học (Mã PT 500).

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

Đối với thí sinh thi tốt nghiệp trong năm 2026, nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) **đạt tối thiểu 15,00 điểm** theo thang điểm 30.

Đối với phương thức tuyển sinh theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, trung học nghề, ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên sẽ do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định và được Phân hiệu công bố sau khi có thông báo từ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên cụ thể như sau:

a) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. **Có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT** theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) **đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.**

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề) đối với các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

3.2. Quy tắc quy đổi điểm xét tuyển giữa các phương thức tuyển sinh

3.2.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT (Mã PT 100).

Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3. Dựa vào điểm thi của thí sinh trong kỳ thi TN THPT năm 2026, Phân hiệu sẽ tính điểm xét tuyển theo các tổ hợp môn của từng ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT.

*** Điểm xét tuyển:**

- **Điểm thi TN THPT 2026 = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm cộng (nếu có)**

- **Điểm xét tuyển = Điểm thi TN THPT 2026 + Điểm UT (nếu có)**

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm cộng là điểm thưởng, điểm khuyến khích (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

* *Ghi chú:* điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).

3.2.2. Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (Mã PT 200).

Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30;

b) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

Dựa vào kết quả học tập trong học bạ THPT theo các tổ hợp xét tuyển, Phân hiệu sẽ xác định ngưỡng điểm quy đối tương đương và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

*** Điểm xét tuyển:**

Xét theo tổng điểm của các môn thi đánh giá quy về thang điểm 30 cộng với điểm cộng (điểm thưởng, điểm khuyến khích nếu có) và điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển: Được quy về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT năm 2026 (Phương thức 1).

* *Ghi chú:* điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).

3.2.3. Xét tuyển dựa trên điểm thi V-SAT trên máy tính (Mã PT 417).

Dựa vào kết quả đánh giá đầu vào đại học (V-SAT) trên máy tính theo các tổ hợp xét tuyển, Phân hiệu sẽ xác định ngưỡng điểm quy đối tương đương và công bố

theo quy định của Bộ GD&ĐT.

*** Điểm xét tuyển:**

Xét theo tổng điểm của các môn thi đánh giá quy về thang điểm 30 cộng với điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng nếu có) và điểm cộng (điểm thưởng, điểm khuyến khích nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển: Được quy về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT năm 2026 (Phương thức 1).

3.2.4. Xét tuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển (Mã PT 402).

Dựa vào kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy theo các tổ hợp xét tuyển, Phân hiệu sử dụng ngưỡng quy đổi điểm tương đương do các đơn vị tổ chức thi xác định và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

*** Điểm xét tuyển:**

Xét theo tổng điểm của các môn thi đánh giá quy về thang điểm 30 cộng với điểm cộng (điểm thưởng, điểm khuyến khích nếu có) và điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng nếu có), lấy từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của ngành xét tuyển. Điểm trúng tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển: Được quy về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT năm 2026 (Phương thức 1).

3.2.5. Sử dụng kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Mã PT 405)

Dựa vào điểm thi của thí sinh trong kỳ thi TN THPT năm 2026 và điểm thi năng khiếu năm 2026, Phân hiệu sẽ xác định ngưỡng điểm quy đổi tương đương và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT. Điểm năng khiếu là điểm trung bình cộng của 2 môn thi năng khiếu do phân hiệu tổ chức và được tính theo thang điểm 10 không nhân hệ số.

*** Điểm xét tuyển:**

- **Điểm PT405 = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm cộng (nếu có)**

- **Điểm quy đổi tương đương = $a \cdot \text{Điểm thi TN THPT 2026} + b$**

- **Điểm xét tuyển = $(\text{Điểm PT405} - b)/a + \text{Điểm UT (nếu có)}$**

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp có môn năng khiếu để xét tuyển.

+ Điểm cộng là điểm thưởng, điểm khuyến khích (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ a, b là các hệ số sẽ được Phân hiệu công bố sau khi có phổ điểm điểm thi TN THPT 2026.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

3.3. Quy tắc quy đổi điểm ưu tiên và điểm chứng chỉ ngoại ngữ

- Quy tắc tính điểm ưu tiên cho các phương thức xét tuyển:

+ Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

+ Nếu tổng điểm của 3 môn thi đánh giá trong tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được nhỏ hơn 22,5 điểm thì Điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 3, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

+ Nếu tổng điểm của 3 môn thi đánh giá trong tổ hợp xét tuyển (theo thang điểm 30) đạt được từ 22,5 trở lên thì điểm ưu tiên được áp dụng tại khoản 4, Điều 7 tại Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cụ thể: $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách}$.

- Quy tắc quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ:

+ Trong trường hợp thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) đăng ký xét tuyển đại học.

Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ

Nội dung	Mức điểm IELTS	TOEFL iBT tương đương	VSTEP (Bậc/Điểm)	Điểm quy đổi xét tuyển (Thang 10)
Tiếng Anh	5.0	35 - 45	Bậc 3 (5.0 - 5.5)	8.0
	5.5	46 - 59	Bậc 4 (6.0 - 6.5)	8.5
	6.0	60 - 78	Bậc 4 (7.0 - 8.0)	9.0
	6.5	79 - 93	Bậc 5 (8.5 - 9.0)	9.5
	≥ 6.5	≥ 94	Bậc 5 (9.5 - 10)	10
Tiếng Trung Quốc	HSK3			7,0
	HSK4 (Từ 180 - 259 điểm)			8,0
	HSK4 (Từ 260 - 300 điểm)			9,0
	HSK 5			10
	HSK6			10

(Chữ ký)

+ Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế IELTS/TOEFL iBT/HSK được các tổ chức quốc tế cấp từ ngày 01/6/2024 đến thời điểm kết thúc nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp vào ĐHCQ năm 2026. Thí sinh cần nộp kèm minh chứng về Phân hiệu để được xét cộng điểm theo đúng quy định.

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).

- Điểm trúng tuyển được quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển.

4. Số lượng tuyển sinh

4.1. Phân hiệu ĐHTN tại Hà Giang

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	SMN2026	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	150	- Phương thức 1: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74) - Phương thức 2: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74) - Phương thức 3: (Tổ hợp C00, C19, C20, D01) - Phương thức 4 - Phương thức 5: (Tổ hợp M05, M06, M07) - Phương thức 6: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74)	
2.	STH2026	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	250	- Phương thức 1: (Tổ hợp A00, C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74) - Phương thức 2: (Tổ hợp A00, C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74) - Phương thức 3: (Tổ hợp A00, C00, C19, C20, D01) - Phương thức 4 - Phương thức 5: (Tổ	

						hợp M05, M06, M07) - Phương thức 6: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74)	
3.	STM2026	Sư phạm Tiếng H'mong	7140227	Sư phạm Tiếng H'mong	50	- Phương thức 1: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74) - Phương thức 2: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74) - Phương thức 3: (Tổ hợp C00, C19, C20, D01) - Phương thức 4 - Phương thức 5: (Tổ hợp M05, M06, M07) - Phương thức 6: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74)	
4.	NTQ2026	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	- Phương thức 1: (Tổ hợp D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66) - Phương thức 2: (Tổ hợp D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66) - Phương thức 3: (Tổ hợp D01, D04, D14, D15, D45, D65, D66). - Phương thức 4	
5.	TVN2026	Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam	7220101	Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam	50	- Phương thức 1: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01) - Phương thức 2: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01)	
6.	SMNC2026	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	50	- Phương thức 1: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74) - Phương thức 2: (Tổ hợp C00, C14, C19, C20, D01, X01, X70, X74) - Phương thức 5: (Tổ hợp M05, M06, M07)	

4.2. Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – ĐHTN đào tạo tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang

13	Mã xét	Tên chương	Mã	Tên	Chỉ	Tổ hợp xét tuyển	Ghi
----	--------	------------	----	-----	-----	------------------	-----

		ngành, nhóm ngành xét tuyển	nhóm ngành	nhóm ngành	(dự kiến)		
1.		Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	7810103- HG	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	30	A00, C00, C04, X01, D01	

Ghi chú các tổ hợp xét tuyển:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học

C00: Văn, Lịch sử, Địa lý

C14: Văn, Toán, GDCD

C19: Văn, Lịch sử, GDCD

C20: Văn, Địa lý, GDCD

D01: Văn, Toán, Tiếng Anh

D04: Văn, Toán, Tiếng Trung

D14: Văn, Lịch sử, Tiếng Anh

D15: Văn, Địa lý, Tiếng Anh

D45: Văn, Địa lý, Tiếng Trung

D65: Văn, Lịch sử, Tiếng Trung

D66: Văn, GDCD, Tiếng Anh

M05: Ngữ văn, Lịch sử, NK

M06: Ngữ văn, Toán, NK

M07: Ngữ văn, Địa, NK

X01: Văn, Toán, GD KTPL

X70: Văn, Lịch sử, GD KTPL

X74: Văn, Địa lý, GD KTPL

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang **không quy định** mức chênh lệch điểm giữa các tổ hợp môn, trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Phân hiệu áp dụng tiêu chí phụ theo thứ tự ưu tiên sau:

TT	Thứ tự xét	Tiêu chí phụ
1	Tiêu chí 1	Điểm trung bình môn lớp 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
2	Tiêu chí 2	Điểm trung bình môn lớp 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).
3	Tiêu chí 3	Điểm trung bình môn lớp 10, 11, 12 (làm tròn đến 1 chữ số thập phân).

5.2. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với các thí sinh: được thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

a) *Điểm thưởng* dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh và các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm thưởng từ 0 - 3,00 điểm theo thang điểm 30; cụ thể như sau:

Đối tượng thí sinh	Mức điểm thưởng
Giải Nhất quốc gia/ giải quốc tế	3,00 điểm
Giải Nhì quốc gia	2,50 điểm
Giải Ba quốc gia	2,00 điểm
Giải Khuyến khích quốc gia	1,75 điểm

b) *Điểm khuyến khích* dành cho thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ nhưng không sử dụng để quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển. Mức điểm khuyến khích tối đa là 1,50 điểm theo thang điểm 30, quy định cụ thể như sau:

Mức điểm IELTS	TOEFL iBT tương đương	VSTEP (Bậc/Điểm)	Điểm khuyến khích (Thang điểm 30)
5.0	46 - 59	Bậc 4 (6.0 - 6.5)	+ 0,75 điểm
5.5	60 - 78	Bậc 4 (7.0 - 8.0)	+ 1,00 điểm
6.0	79 - 93	Bậc 5 (8.5 - 9.0)	+ 1,25 điểm
≥ 6.5	≥ 94	Bậc 5 (9.5 - 10)	+ 1,50 điểm

*) **Lưu ý:** Thí sinh cần nộp kèm các giấy tờ minh chứng về Phân hiệu để được xét cộng điểm ưu tiên, điểm thưởng theo đúng quy định.

5.3. Các thông tin khác

- Đối với các ngành Sư phạm, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp, khiếm thính, khiếm thị (Phân hiệu sẽ kiểm tra sức khỏe đầu khóa đối với tất cả sinh viên trước khi tham gia đào tạo. Nếu không đủ điều kiện sức khỏe sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển).

- Chính sách học bổng khuyến khích học tập:

+ Phân hiệu xét và cấp học bổng cho SV theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Sinh viên có nhiều cơ hội được xét cấp học bổng tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp ngoài Phân hiệu.

+ Khen thưởng cho sinh viên thủ khoa đầu vào của Phân hiệu.

- Chính sách miễn, giảm học phí

+ Sinh viên ngành Sư phạm được hỗ trợ (miễn 100%) học phí, hỗ trợ chi phí sinh hoạt: 3.630.000đ/người/tháng (theo NĐ 116 của Chính phủ).

+ Sinh viên ngành ngoài Sư phạm được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Nhà nước.

- Chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/ năm: Cao đẳng: 12.000.000đ; Đại học: 15.000.000đ.

- Học phí: ngành Ngôn ngữ Trung Quốc: 463.000đ/1 tín chỉ (tổng 133 tín chỉ/1 khóa học: 4,0 năm). Ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam: 469.000đ/1 tín chỉ (tổng 133 tín chỉ/1 khóa học: 4,0 năm).

6. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

+ Đợt 1: tháng 7/2026 (theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT).

+ Xét tuyển các đợt bổ sung: từ tháng 8 đến tháng 12/2026.

- Hình thức đăng ký: theo quy định của Bộ GD&ĐT (qua hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung).

- Các điều kiện xét tuyển: công bố tại Thông tin tuyển sinh chính thức trên website của Phân hiệu.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng, Ưu tiên xét tuyển: theo quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

- Đối với các nguyện vọng đăng ký trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT: thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Đối với các đợt xét tuyển bổ sung: 50.000đ/01 nguyện vọng.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

- Phân hiệu cam kết thực hiện tuyển sinh công bằng, minh bạch, đúng quy chế.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tuyển sinh theo đúng quy trình, quy định.

- Bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh, chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh do sai sót trong tuyển sinh (nếu có).

10. Thông tin về thi năng khiếu

10.1. Phương thức tuyển sinh

Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

10.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh thi năng khiếu để sử dụng phương thức xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (Mã PT 405), thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên cụ thể như sau:

a) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. **Có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt** (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) **cả năm lớp 12** (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) **và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển** (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) **đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT** (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) **từ 8,50 trở lên.**

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức **khá** (học lực xếp loại từ **khá** trở lên) **cả năm lớp 12** (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề) đối với các chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

10.3. Tổ hợp xét tuyển

- M05: Ngữ văn, Lịch sử, NK (Độc diễn cảm - Hát).

- M06: Ngữ văn, Toán, NK (Đọc diễn cảm - Hát).

- M07: Ngữ văn, Địa, NK (Đọc diễn cảm - Hát).

Ghi chú: Chỉ xét tuyển những thí sinh nộp đăng ký xét tuyển vào Phân hiệu với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đúng quy định.

10.4. Thời gian tổ chức thi năng khiếu: dự kiến ngày **29, 30/5/2026**.

10.5. Nội dung thi năng khiếu: gồm 2 phần: Đọc diễn cảm - Hát

- Phần thi Đọc diễn cảm: thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên và đọc diễn cảm một đoạn văn xuôi trong một tác phẩm hoặc một đoạn thơ do Hội đồng tuyển sinh chuẩn bị. Phần đọc diễn cảm thí sinh có 5 phút chuẩn bị, sau đó trình bày.

- Phần thi Hát: thí sinh tự chuẩn bị và thể hiện một bài hát thuộc một trong các chủ đề về: Thiếu nhi, tình yêu con người, tình yêu quê hương đất nước, thầy cô và mái trường. Thời gian trình bày: không quá 5 phút/1 thí sinh.

=> Điểm thi năng khiếu là trung bình cộng của 2 phần thi trên.

- Địa điểm thi: Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang, tổ 16, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

10.6. Thời gian và hình thức nhận hồ sơ đăng ký thi tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ thi tuyển: từ ngày 01/5 đến trước 17h00 ngày 20/5/2026.

- Hồ sơ thi tuyển gồm:

+ Phiếu đăng ký tuyển sinh theo mẫu của Phân hiệu (có dán ảnh), có mẫu đăng ký tại Phụ lục kèm theo;

+ Bản photo căn cước công dân;

+ Ba (03) ảnh cỡ 4x6 có ghi họ, tên và ngày, tháng, năm sinh của thí sinh ở mặt sau (01 ảnh dán trên phiếu đăng ký tuyển sinh, 02 ảnh nộp cho Phân hiệu).

- Hình thức nhận hồ sơ:

+ Nhận hồ sơ trực tiếp tại Phân hiệu hoặc nhận qua đường bưu điện theo địa chỉ **Phòng ĐT, NCKH&HTQT, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang, tổ 16, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang**.

+ Các thí sinh ở xa có thể tải mẫu hồ sơ và đăng ký trực tuyến tại địa chỉ website: <https://hagiang.tnu.edu.vn> (hoặc <https://sinhvien-phhg.tnu.edu.vn/>) mục **“Tuyển sinh → Thông tin tuyển sinh”** và nộp hồ sơ về Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Hà Giang qua đường bưu điện bằng hình thức chuyển phát nhanh.

10.7. Lệ phí thi tuyển năng khiếu: 300.000đồng/ thí sinh (ba trăm nghìn đồng). Thí sinh nộp tiền trực tiếp tại bộ phận tài chính của Phân hiệu. Lệ phí thí sinh đã nộp không hoàn lại với bất cứ lý do nào.